

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI BẾN ĐÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Ủy viên
Ông Lê Triều Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hải	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Việt Đạt	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

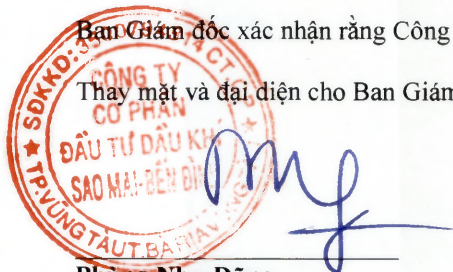
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phùng Như Dũng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Số. 294 /2011 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 17. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

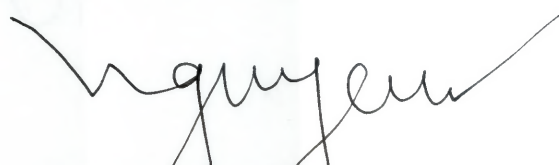
Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi đã đồng thời kiểm toán các điều chỉnh nhằm trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được đề cập trong thuyết minh số 4 của phần thuyết minh báo cáo tài chính. Theo ý kiến chúng tôi, những điều chỉnh trên là phù hợp và đã được thực hiện đúng đắn.

Như trình bày tại thuyết minh số 5, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Cao Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1184/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		538.599.224.309	530.305.701.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	308.569.253.466	466.501.500.185
1. Tiền	111		2.100.531.254	5.309.226.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		306.468.722.212	461.192.273.611
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	185.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		185.000.000.000	55.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.295.893.451	5.457.909.396
1. Phải thu của khách hàng	131		25.879.078.219	-
2. Trả trước cho người bán	132		5.644.169.985	-
3. Các khoản phải thu khác	135	8	9.772.645.247	5.457.909.396
IV. Hàng tồn kho	140		3.052.974.138	35.454.545
1. Hàng tồn kho	141		3.052.974.138	35.454.545
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		681.103.254	3.310.837.029
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		248.863.125	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.055.686.535
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		432.240.129	255.150.494
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.304.836.388	174.054.652.767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		230.767.120	210.767.120
1. Phải thu dài hạn khác	218		230.767.120	210.767.120
II. Tài sản cố định	220		32.839.954.529	32.558.094.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	14.904.823.745	4.259.429.602
- Nguyên giá	222		17.823.160.418	5.427.096.969
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.918.336.673)	(1.167.667.367)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	17.790.960	28.465.536
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.581.920)	(24.907.344)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	17.917.339.824	28.270.199.514
III. Bất động sản đầu tư	240		225.693.082.239	130.605.250.995
- Nguyên giá	241	12	229.018.814.285	130.605.250.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.325.732.046)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.530.000.000	10.530.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	10.530.000.000	10.530.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.032.500	150.540.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.032.500	150.540.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			807.904.060.697	704.360.353.922

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU B 01-DN**
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		258.402.423.317	150.799.932.056
I. Nợ ngắn hạn	310		36.277.823.320	47.185.328.606
1. Phải trả người bán	312		24.147.691.299	25.600.512.557
2. Người mua trả tiền trước	313		1.559.600.000	10.256.422.223
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.325.041.191	5.066.801.389
4. Phải trả người lao động	315		1.936.344.573	2.683.915.803
5. Chi phí phải trả	316		330.660.200	158.206.164
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		338.495.873	1.460.905.719
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.639.990.184	1.958.564.751
II. Nợ dài hạn	330		222.124.599.997	103.614.603.450
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	770.700.348	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.675.450
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	221.282.471.078	103.612.928.000
4. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		71.428.571	-
B. NGUỒN VỐN	400		549.501.637.380	553.560.421.866
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	549.501.637.380	553.560.421.866
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		(1.411.475.005)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.953.718.608	15.172.565.305
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.131.006.892	5.619.468.631
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		20.828.386.885	32.768.387.930
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		807.904.060.697	704.360.353.922



Phùng Như Dũng
Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009 (Trình bày lại)
1. Doanh thu	01	18	15.001.876.655	549.514.870
2. Doanh thu thuần	10		15.001.876.655	549.514.870
3. Giá vốn	11	19	(14.310.749.518)	(472.811.668)
4. Lợi nhuận gộp	20		691.127.137	76.703.202
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	57.749.376.399	42.069.151.399
6. Chi phí tài chính	22		-	-
7. Chi phí bán hàng	24		(836.921.241)	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.301.046.775)	(13.817.922.908)
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		33.302.535.520	28.327.931.693
10. Thu nhập khác	31		-	700.150.091
11. Chi phí khác	32		-	(81.000)
12. Lợi nhuận khác	40		-	700.069.091
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.302.535.520	29.028.000.784
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(7.416.452.566)	(5.323.076.097)
15. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	15	(770.700.348)	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		25.115.382.606	23.704.924.687
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	502	474



Phùng Như Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Minh Vi
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU B 03-DN**

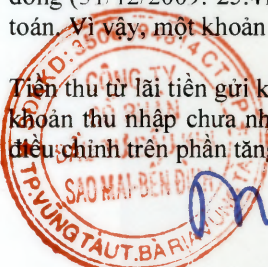
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
		Trình bày lại	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.302.535.520	29.028.000.784
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.087.075.928	635.141.265
Lỗ/(Lãi) từ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	04	1.411.475.005	(190.835)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(57.749.376.399)	(42.068.960.564)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(17.948.289.946)	(12.406.009.350)
Tăng các khoản phải thu	09	(29.278.336.354)	(47.141.890.665)
Tăng hàng tồn kho	10	(3.017.519.593)	(35.454.545)
Tăng các khoản phải trả	11	129.029.379.312	53.361.483.404
Tăng chi phí trả trước	12	(109.355.625)	(31.874.542)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.597.821.846)	(2.593.598.084)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	83.727.880
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.081.266.654)	(2.620.794.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.996.789.294	(11.384.410.660)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(124.565.886.606)	(62.107.380.726)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(130.000.000.000)	(10.530.000.000)
3. Thu lãi tiền gửi	27	54.048.325.598	36.996.733.069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(200.517.561.008)	(35.640.647.657)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(25.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(156.520.771.714)	(47.025.058.317)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	466.501.500.185	513.526.367.667
Ảnh hưởng chênh lệch tỉ giá quy đổi ngoại tệ	61	(1.411.475.005)	190.835
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	308.569.253.466	466.501.500.185

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

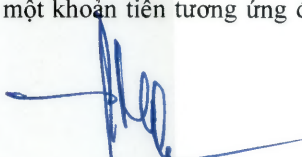
Tiền dùng để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 1.303.030.366 đồng (31/12/2009: 25.412.149.923 đồng) là số tiền dùng cho mua sắm tài sản trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 8.773.278.296 đồng (31/12/2009: 5.072.227.495 đồng), thể hiện khoản thu nhập chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phùng Như Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2011



Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3500794814 ngày 2 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Giấy chứng Đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 7 năm 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 70 người (31/12/2009: 68 người).

Hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 để điều chỉnh giá trị dự án “San lấp mặt bằng cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí thuê” sau khi Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt tổng giá trị đầu tư của dự án. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Bảng cân đối kế toán**
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Số đã trình bày VNĐ	Số trình bày lại VNĐ	Thay đổi VNĐ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.444.810.067	28.270.199.514	(4.825.389.447)
Người mua trả tiền trước	113.612.928.000	10.256.422.223	103.356.505.777
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.743.526.924	5.066.801.389	(1.323.274.465)
Doanh thu chưa thực hiện	256.422.223	103.612.928.000	(103.356.505.777)
Lợi nhuận chưa phân phối	29.266.272.948	32.768.387.930	(3.502.114.982)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi phí quản lý doanh nghiệp	(18.643.312.355)	(13.817.922.908)	(4.825.389.447)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.999.801.632)	(5.323.076.097)	1.323.274.465
Lợi nhuận sau thuế	20.202.809.705	23.704.924.687	(3.502.114.982)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	404	474	70

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	10

872-
NH
TY
KHU
TTT
NAM
HỘ
S CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hợp đồng thuê..

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty được đầu tư và được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn nếu công ty được đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai hoặc ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỉ lệ dịch vụ đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 1.411.475.005 đồng (năm 2009: 0) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ được ghi nợ một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	305.554.824	181.352.727
Tiền gửi ngân hàng	1.794.976.430	5.127.873.847
Các khoản tương đương tiền	306.468.722.212	461.192.273.611
	<u>308.569.253.466</u>	<u>466.501.500.185</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các Công ty tài chính có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 0,967% đến 1,25%/tháng (2009: 0,767% đến 1,003%/tháng).

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,93% (2009: 0,75%) đến 1,00% (2009: 0,825%) hàng tháng.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.773.278.296	5.072.227.495
Các khoản phải thu khác	999.366.951	385.681.901
	<u>9.772.645.247</u>	<u>5.457.909.396</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc Thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản hữu hình khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	-	2.503.016.667	941.817.374	1.982.262.928	5.427.096.969
Tăng	1.455.011.000	1.976.376.819	118.506.696	-	3.549.894.515
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	8.846.168.934	8.846.168.934
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.455.011.000</u>	<u>4.479.393.486</u>	<u>1.060.324.070</u>	<u>10.828.431.862</u>	<u>17.823.160.418</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	-	563.104.192	604.563.175	-	1.167.667.367
Khấu hao trong năm	45.529.823	555.499.870	213.605.224	936.034.389	1.750.669.306
Tại ngày 31/12/2010	<u>45.529.823</u>	<u>1.118.604.062</u>	<u>818.168.399</u>	<u>936.034.389</u>	<u>2.918.336.673</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.409.481.177</u>	<u>3.360.789.424</u>	<u>242.155.671</u>	<u>9.892.397.473</u>	<u>14.904.823.745</u>
Tại ngày 31/12/2009	-	<u>1.939.912.475</u>	<u>337.254.199</u>	<u>1.982.262.928</u>	<u>4.259.429.602</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2010 và 31/12/2010	53.372.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2010	24.907.344
Khấu hao trong năm	10.674.576
Tại ngày 31/12/2010	<u>35.581.920</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	<u>17.790.960</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>28.465.536</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 Trình bày lại VNĐ
Số dư đầu năm	28.270.199.514	73.187.552.154
Tăng trong kỳ	96.964.790.416	87.670.161.283
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.846.168.934)	(1.982.262.928)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(98.471.481.172)	(130.605.250.995)
Số dư cuối năm	<u>17.917.339.824</u>	<u>28.270.199.514</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tổng chi phí xây dựng tại căn cứ Dầu khí Sao Mai Bến Đình với tổng diện tích 160 ha. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng giá trị đầu tư là 17.917.339.824 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công trình cơ sở hạ tầng 39,8ha (i)	131.881.668.267	130.605.250.995
Công trình cơ sở hạ tầng 23ha (ii)	97.137.146.018	-
	<u>229.018.814.285</u>	<u>130.605.250.995</u>

(i) Quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng của dự án Sao Mai Bến Đình với diện tích 39,8 ha hoàn thành năm 2009 và được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu Khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng của dự án Sao Mai Bến Đình với diện tích 23ha và được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí trong năm 2010. Công ty đang tạm thời ghi tăng giá trị bất động sản đầu tư này theo giá tạm tính và tính khấu hao từ thời điểm cho thuê theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê là 49 năm. Khi hoàn thành công tác phê duyệt quyết toán, nguyên giá của bất động sản đầu tư này có thể thay đổi trọng yếu.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao, với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao hoạt động có lợi nhuận nên không cần lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 Trình bày lại VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	259.666.473	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.614.538.880	4.795.908.160
Thuế thu nhập cá nhân	450.835.838	270.893.229
	<u>5.325.041.191</u>	<u>5.066.801.389</u>

15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo thuế cho phép là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm. Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Khấu hao nhanh VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	-
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	(770.700.348)
Tại ngày 31/12/2010	<u>(770.700.348)</u>

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền nhận trước cho việc thuê cơ sở hạ tầng dài hạn tại căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai Bến Đình, thành phố Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Chênh lệch tỉ giá VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Trình bày lại VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	500.000.000.000	3.387.159.607	3.791.814.486	-	23.232.136.694	530.411.110.787
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	23.704.924.687	23.704.924.687
Phân phối các quỹ	-	11.785.405.698	1.827.654.145	-	(13.812.543.805)	(199.483.962)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(1.994.839.619)	(1.994.839.619)
Điều chỉnh	-	-	-	-	1.638.709.973	1.638.709.973
Tại ngày 31/12/2009- trình bày lại	500.000.000.000	15.172.565.305	5.619.468.631	-	32.768.387.930	553.560.421.866
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.115.382.606	25.115.382.606
Phân phối các quỹ	-	6.781.153.303	2.511.538.261	-	(12.055.383.651)	(2.762.692.087)
Chênh lệch tỉ giá	-	-	-	(1.411.475.005)	-	(1.411.475.005)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	500.000.000.000	21.953.718.608	8.131.006.892	(1.411.475.005)	20.828.386.885	549.501.637.380

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ - ĐHĐCĐ - PVSĐ ngày 22 tháng 4 năm 2010, các cổ đông của Công ty đồng ý phương án và mức chi trả cổ tức năm 2009 với số tiền là 25 tỷ đồng và đã được thanh toán trong năm.

Theo điều lệ, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự phòng tài chính để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh theo điều lệ của Công ty. Theo quyết định số 53/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 2 năm 2011, Công ty trích quỹ dự phòng tài chính bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế của Công ty. Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 30% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích quỹ dự phòng tài chính. Các quỹ khác được trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế.

Vốn điều lệ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền		
50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ của của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	31/12/201 VNĐ	31/12/200 VNĐ
Cổ đông sáng lập				
Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu Khí	-	-	-	110.000.000.000
Tổng Công ty CP Dịch Vụ- Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam	100.230.500.000	20.05	100.230.500.000	100.230.500.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	111.369.460.000	22.27	111.369.460.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	50.924.000.000	10.18	50.924.000.000	50.924.000.000
Các cổ đông khác	<u>237.476.040.000</u>	<u>47.50</u>	<u>237.476.040.000</u>	<u>238.845.500.000</u>
	500.000.000.00	10	500.000.000.00	500.000.000.00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DOANH THU**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu cho thuê	3.655.518.607	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.346.358.048	549.514.870
	<u>15.001.876.655</u>	<u>549.514.870</u>

19. GIÁ VỐN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Giá vốn cho thuê	3.325.732.046	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.985.017.472	472.811.668
	<u>14.310.749.518</u>	<u>549.514.870</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.539.776.754	31.831.030.853
Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn	23.209.599.645	10.238.120.546
	<u>57.749.376.399</u>	<u>42.069.151.399</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 (Trình bày lại) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	33.302.535.520	29.028.000.784
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: khoản chi phí khấu hao theo thuế	(4.050.942.793)	(2.538.129.915)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	414.217.536	1.191.527.903
Thu nhập chịu thuế	29.665.810.263	27.681.398.772
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>29.665.810.263</i>	<i>23.121.100.563</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 28%</i>	<i>-</i>	<i>4.560.298.209</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.416.452.566	7.057.158.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.734.082.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.416.452.566</u>	<u>5.323.076.097</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2010 VNĐ	2009 (Trình bày lại) VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.115.382.606	23.704.924.687
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	502	474

23. CAM KẾT VỐN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có cam kết góp vốn để thành lập Công ty Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với số tiền là 250 tỷ đồng tương đương 25% vốn đầu tư của dự án này cùng với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và Tập đoàn Trung Hoa Triều Thương Cục theo Hợp đồng liên doanh được ký ngày 26 tháng 4 năm 2010. Khoản góp vốn này sẽ được thực hiện góp trong thời gian tới.

Tại ngày của báo cáo này, Các bên liên doanh đang làm việc với Ủy ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án này.

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.036.798.908	469.571.415

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	1.941.083.520	898.971.395
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.649.169.113	1.167.568.524
	3.590.252.633	2.066.539.919

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	88.115.281.639	-
Mua dịch vụ của Công ty CP XD công nghiệp & dân dụng dầu khí	99.338.960.154	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà Petro Hotel, Số 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Cổ Phần Tài Chính Dầu Khí	17.603.835.201	9.148.428.711
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ Phần Tài Chính Dầu Khí (ủy thác quản lý vốn)	<u>144.511.612.500</u>	<u>149.692.273.611</u>
Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:		
	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lương và thưởng	<u>2.788.695.160</u>	<u>1.791.560.782</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:		
	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải thu		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	<u>7.252.138.519</u>	-
Phải trả		
Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	1.559.600.000	-
Công ty CP XD công nghiệp & dân dụng dầu khí	<u>20.026.200.372</u>	-



Phùng Như Dũng
Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng